

Số: 03/2024/QĐST-DS

Tuy An, ngày 08 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 36/2024/TLST – DS ngày 02 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Vợ chồng anh **Trần Thịnh P** – sinh năm 1984 và chị **Trần Thị Ngọc L** – sinh năm 1984; Địa chỉ: số A, ấp B, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

* *Những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*:

- Chị **Nguyễn Thị Kim H** – sinh năm 1996; Địa chỉ: số 10, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

- Anh **Huỳnh Hoàng L** – sinh năm 1997; Địa chỉ: khu phố N, phường H, thị xã G, tỉnh Bình Thuận.

- Chị **Nguyễn Thị Yến N** – sinh năm 2000; Địa chỉ: khu phố Q, thị trấn P, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

* *Các bị đơn*:

- Anh **Nguyễn Thành L1** – sinh năm 2001; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên.

- Bà **Lê Thị D** – sinh năm 1964; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên.

* *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thành L1 và bà Lê Thị*

D: Ông **Trần Danh T** – sinh năm 1958; Địa chỉ: đường P, thị trấn T, huyện A, tỉnh Phú Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các bên đương sự thống nhất anh Nguyễn Thành L1 và bà Lê Thị D có nợ vợ chồng anh Trần Thịnh P, chị Trần Thị Ngọc L số tiền gốc 363.300.000đ (Ba trăm sáu mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng) và lãi suất 12.061.560đ (Mười hai triệu không trăm sáu mươi một nghìn năm trăm sáu mươi đồng). Tổng cộng: **375.361.560đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi một nghìn năm trăm sáu mươi đồng).**

Anh Nguyễn Thành L1 và bà Lê Thị D có nghĩa vụ thanh toán số tiền **375.361.560đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi một nghìn năm trăm sáu mươi đồng)** cho vợ chồng anh Trần Thịnh P, chị Trần Thị Ngọc L vào ngày 01/9/2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Vợ chồng anh Trần Thịnh P, chị Trần Thị Ngọc L phải chịu **4.692.019đ (Bốn triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn không trăm mười chín đồng)** án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 9.162.000đ tạm ứng trước tại biên lai thu tiền số 0010691, ngày 02/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Hoàn lại cho vợ chồng anh Trần Thịnh P, chị Trần Thị Ngọc L 4.469.981đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền nói trên của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Phú Yên.

+ Anh Nguyễn Thành L1, bà Lê Thị D phải chịu **4.692.019đ (Bốn triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn không trăm mười chín đồng)** án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Đường sự;
- Lưu hs, AV.

THẨM PHÁN

Lê Thị Xuân Hương